

Bản án số: 67/2024/HSST

Ngày: 26-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Công Trọn;

Ông Nguyễn Trường Hận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Trương Chí Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Thanh T; sinh năm 1973, tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần S và bà Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977; địa chỉ: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 13 tháng 10 năm 2023, bà Nguyễn Thị K đến quán của bà Nguyễn Thị Thu B thuộc khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nhờ Trần Thanh T cạo gió. Khi đi, K có mang theo tài sản 01 lượng 07 chỉ vàng 24K trong đó 04 nhẫn vàng trơn và 01 lượng 09 chỉ 06 phân vàng 18K trong đó 01 dây chuyền vàng có hình dạng xoắn, 01 nhẫn vàng trên mặt có đính đá màu vàng, 01 nhẫn vàng

có đính đá màu xanh da trời, 02 nhẫn vàng có đính nhiều đá nhỏ màu trắng, 02 chiếc bông tai để trong túi vải đỏ được buộc chặt lại bằng bọc nylon màu trắng để trong túi xách. Khi T cạo gió cho Khuya bị cáo quan sát thấy dây kéo túi xách của K hở ra một đoạn, phát hiện thấy bọc đựng vàng của K nên nảy sinh ý định lấy trộm. T lấy bọc đựng vàng rồi đến tủ kính trước quầy bán nước quán của bà T1 Ba mở ngăn giữa bỏ tất cả số vàng này vào bên trong tủ cất giấu và đi vào bên trong phòng tiếp tục cạo gió cho K.

Khi phát hiện bị mất trộm tài sản, Khuya thường xuyên đến quán gặp T, bà Thu B và H1 (con của bà Thu B) hỏi nếu ai có nhặt được thì trả lại cho K. Đến ngày 24 tháng 10 năm 2023, T lấy số vàng đã trộm bỏ vào trong bọc nylon màu trắng để tại khoảng trống giữa thùng trà xanh với quầy nước, T kêu H1 quét dọn rác nhưng nhằm mục đích để H1 phát hiện số vàng này và nghĩ là vàng của Khuya đánh rơi trước đó. Khoảng 06 giờ ngày 25 tháng 10 năm 2023, T cùng H1 quét dọn ở khu vực mà T để vàng trộm của K thì H1 phát hiện bọc vàng nên trình báo Công an thị trấn S đến lập biên bản mời tất cả những người có liên quan làm việc. Quá trình điều tra T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, số vàng chênh lệch theo như Khuya trình báo mất trộm T thừa nhận và khai mất nhưng không rõ lý do, hiện T đã thoả thuận nộp khắc phục cho Khuya khoản tiền tương ứng với số vàng chênh lệch này.

Vật chứng thu giữ: 01 túi xách có dây đeo, mặt trước túi có màu trắng, phía sau màu nâu, phần dây quay khoá chỗ nút cài bị hư, trên túi xách da mặt trên có khoá lại bằng dây kéo; 02 bọc nylon màu trắng (một bọc dạng tròn, một bọc dạng quai xách); 01 sợi dây thun màu vàng; đối với số vàng đã trộm gồm: 01 lượng 07 chỉ vàng 24K (gồm 04 nhẫn vàng tròn) và 01 lượng 09 chỉ 06 phân vàng 18K (gồm 01 dây chuyền vàng có hình dạng xoắn, 01 nhẫn vàng trên mặt có đính đá màu vàng, 01 nhẫn vàng có đính đá màu xanh da trời, 02 nhẫn vàng có đính nhiều đá nhỏ màu trắng, 02 chiếc bông tai) hiện vật chứng này đã được cơ quan điều tra Công an huyện T giao trả lại lại cho bị hại.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐGTS ngày 16 tháng 3 tháng 2024 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân huyện T kết luận tổng số tiền bị thiệt hại là: 166.624.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố Trần Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời giữ nguyên quyết định đã truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Phía bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ 01 túi xách có dây đeo, mặt trước túi có màu trắng, phía sau màu nâu, phần dây

quay khoá chỗ nút cài bị hư, trên túi xách da mặt trên có khoá lại bằng dây kéo; 02 bịch nilon màu trắng (một bịch dạng tròn, một bịch dạng quai xách); 01 sợi dây thun màu vàng do không còn giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng không lớn.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2023, do có ý định chiếm đoạt tài sản thuộc quyền quản lý của bị hại, bị cáo đã lén lút trộm tài sản là 01 lượng 07 chỉ vàng 24K (gồm 04 nhẫn vàng trơn) và 01 lượng 09 chỉ 06 phân vàng 18K (gồm 01 dây chuyền vàng có hình dạng xoắn, 01 nhẫn vàng trên mặt có đính đá màu vàng, 01 nhẫn vàng có đính đá màu xanh da trời, 02 nhẫn vàng có đính nhiều đá nhỏ màu trắng, 02 chiếc bông tai) với giá trị tài sản theo định giá là 166.624.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền quản lý và sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Trước, trong và sau khi phạm tội bị cáo không bị bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi mà bị cáo gây ra. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại được định giá là 166.624.000 đồng. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo là người hạn chế về nhận thức pháp luật, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo muốn hưởng thụ tài sản của người khác mà không cần bỏ công sức lao động nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền quản lý và sở hữu tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật hình sự mà còn gây tâm lý lo sợ cho bị hại cũng như gây hoang mang dư luận tại địa phương. Tài sản bị cáo trộm có giá trị lớn, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cũng cần cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có cơ sở; tuy nhiên bị cáo phạm tội với giá trị tài sản lớn nên đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng Điều 54 để xét xử bị cáo trong trường hợp này là không cần thiết, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt khởi khung đối với bị cáo là phù hợp với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo, đồng thời đảm bảo được tính răn đe và tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm trong vụ án, không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Đối với vật chứng là số vàng đã trộm thu giữ được trong quá trình điều tra, các vật chứng trên đã được Cơ quan điều tra Công an huyện T xử lý xong bằng hình thức giao trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với vật chứng là 01 túi xách có dây đeo, mặt trước túi có màu trắng, phía sau màu nâu, phần dây quay khoá chỗ nút cài bị hư, trên túi xách da mặt trên có khoá lại bằng dây kéo; 02 bọc nilon màu trắng (một bọc dạng tròn, một bọc dạng quai xách); 01 sợi dây thun màu vàng đều là tài sản của bị hại và bị hại không yêu cầu nhận lại, giá trị sử dụng không còn nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ 01 túi xách có dây đeo, mặt trước túi có màu trắng, phía sau màu nâu, phần dây quay khoá chỗ nút cài bị hư, trên túi xách da mặt trên có khoá lại bằng dây kéo; 02 bịch nilon màu trắng (một bịch dạng tròn, một bịch dạng quai xách); 01 sợi dây thun màu vàng.

Các vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời và Cơ quan điều tra Công an huyện T.

3 Về án phí: Bị cáo Trần Thanh T phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CAND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp